

LUẬT TỨ PHẦN

Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO NI

Chương I: NÓI VỀ 8 PHÁP Ba-la-di⁵⁹¹

A. THÔNG GIỚI

1. BẤT TỊNH HẠNH^{*592}

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường Lâu các⁵⁹³, bên sông Di hầu, Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nhân duyên này⁵⁹⁴ tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, nói:

- Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới, tập hợp mười cú nghĩa:

1. Nhiếp thủ đối với Tăng.
2. Khiến cho Tăng hoan hỷ.
- >. Khiến cho Tăng an lạc.
4. Khiến cho người chưa tín thì có tín.
5. Người đã có tín khiến tăng trưởng.
6. Để điều phục người chưa được điều phục.

591. Bản Hán, quyển 22 (T22n1428, tr.714a1). Ngũ phần II (T22n1421, tr.77b27): Phần II. Ni luật. Tăng kỳ >6 (T22n1425, tr.514a25). Thập tụng 42 (T2>n14>5, tr.>02c15): Ni luật. Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Bí-sô-ni tỳ nại da (vt. Căn-bản ni) I (T2>n144>, tr.907a1). Pali: Bhikkhunivibhāga, Vin. iv. 206. Các bộ đều có 8 điều. Trong đó, 4 điều thuộc thông giới. Những học xứ, tuy duyên khởi từ Tỳ-kheo, chung cho cả hai bộ. Duyên khởi, giới tướng, giải thích từ ngữ, của những học xứ này đại thể giống nhau. Xem Phần I, các điều liên hệ. Các thông giới sẽ được đánh dấu hoa thị (*).

592. Thông giới. Các bộ trong Hán tạng đều có nguyên nhân kết, và giới văn của 4 thông giới. Thập tụng và Luật Pali không có giới văn của 4 thông giới này

593. Lâu các giảng đường 樓閣講堂. Ngôi nhà sàn dùng làm nhà hội. Trên kia, có chỗ (tr. 577b1>) dịch là Cao các giảng đường 高閣講堂.

594. Xem Phần I, Ch.i Ba-la-di I, do nguyên nhân Tu-đề-na, Phật kết giới cho Tỳ-kheo. Nhân đó, kết giới luôn cho Tỳ-kheo-ni. Có 4 Ba-la-di là thông giới, chung cho cả hai bộ. Bốn điều riêng biệt cho Tỳ-kheo-ni gọi là - bất cộng giới

7. Người có tâm quý được an lạc.

8. Đoạn hữu lậu hiện tại.

9. Đoạn hữu lậu đời vị lai.

10. Chánh pháp được cửu trụ.⁵⁹⁵

Muốn nói giới nên nói như sau:⁵⁹⁶

Tỳ-kheo-ni nào, hành pháp dâm dục, phạm bất tịnh hạnh, cho đến cùng với loài súc sinh, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni: có Tỳ-kheo-ni danh tự, Tỳ-kheo-ni tương tự, Tỳ-kheo-ni tự xưng, Tỳ-kheo-ni thiện lai⁵⁹⁷, Tỳ-kheo-ni khát cầu, Tỳ-kheo-ni mặc áo cắt rọc, Tỳ-kheo-ni phá kiết sử, Tỳ-kheo-ni thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu đúng cách. Tỳ-kheo-ni nói ở đây là Tỳ-kheo-ni thọ đại giới, bạch tứ yết-ma như pháp, thành tựu như pháp, sống trong pháp Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là nghĩa Tỳ-kheo-ni.

Hành pháp dâm dục, phạm bất tịnh hạnh, cho đến cùng với loài súc sinh: đó là chỉ chỗ có thể hành dâm.

Ba-la-di: ví như người bị chặt đầu, không thể sống trở lại được. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, phạm Ba-la-di rồi, không thành Tỳ-kheo-ni được nữa, nên gọi là Ba-la-di.

Thế nào gọi là không được sống chung? Không được sống chung với hai việc: cùng một yết-ma, cùng một thuyết giới. Tỳ-kheo-ni kia không được cùng sinh hoạt trong hai việc này. Cho nên gọi là không được sống chung.

Có ba đối tượng hành dâm thành Ba-la-di. Loài người, phi nhân và súc sinh. Cùng hành dâm với ba đối tượng này thì phạm Ba-la-di.

Lại nữa, hành dâm với ba đối tượng nam phạm Ba-la-di: nam loài người, nam phi nhân, súc sinh đực. Hành dâm với ba đối tượng này thì phạm Ba-la-di.

Hành dâm với ba đối tượng có hai hình⁵⁹⁸, phạm Ba-la-di: loài người có hai hình, loài phi nhân có hai hình, súc sinh hai hình. Đối với ba đối tượng hai hình này cùng hành dâm, phạm Ba-la-di.

595. Xem cht. >I, Phần I, Ch. i Ba-la-di I

596. Ngũ phần, Ưu-ba-li hỏi Phật: Thế Tôn đã kết giới cho Tỳ-kheo... Được áp dụng cho một, hay cả hai bộ Tăng? Phật đáp: “Cho cả hai bộ... Tỳ-kheo-ni, cùng với các Tỳ-kheo-ni đồng giới... phạm bất tịnh hạnh...” (xem Phần Một, Ch. i Ba-la-di I).

597. Thiện lai Tỳ-kheo-ni 善來比丘尼. Pali (Vin. iv. 214): ehi bhikkhuni. Trong các nguyên nhân đắc giới, không có trường hợp Tỳ-kheo-ni thiện lai. Xem Phần III, Chương i. Thọ giới

598. Xem cht. 5I, Phần I, Ch. i Ba-la-di I.

Hành dâm với ba đối tượng huỳnh môn⁵⁹⁹, phạm Ba-la-di: nhân huỳnh môn, phi nhân huỳnh môn, súc sinh huỳnh môn. Đối với ba đối tượng này hành dâm phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo-ni với tâm dâm dục, nắm nam căn của người để vào ba chỗ đại, tiểu tiện, và miệng, vào thì phạm, không vào thì không phạm. Có ngăn cách với có ngăn cách; có ngăn cách với không ngăn cách; không ngăn cách với có ngăn cách; không ngăn cách với không ngăn cách; thấy đều phạm Ba-la-di. Đối với phi nhân nam, súc sinh đực, nhị hình nam, huỳnh môn cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni với tâm dâm dục, nắm nam căn của nam tử đang ngủ, của người chết mà thân chưa hư hoại hay hư hoại một ít, mà để vào ba chỗ, vào thì phạm; không vào thì không phạm. Có ngăn cách với có ngăn cách; có ngăn cách với không ngăn cách; không ngăn cách với có ngăn cách; không ngăn cách với không ngăn cách; đều Ba-la-di. Phi nhân nam, súc sinh đực, nhị hình nhân nam, huỳnh môn cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni nào bị giặc bắt đem đến chỗ người nam, giặc cầm nam căn để vào ba chỗ. Khi mới vào, (Tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi thấy thọ lạc; khi lấy ra thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi mới vào, (Tỳ-kheo-ni) thấy thọ lạc; vào rồi thấy thọ lạc; khi lấy ra không thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi mới vào thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, khi lấy ra thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi mới vào thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, lấy ra không thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi mới vào không thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, lấy ra thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi vào, không thấy thọ lạc; vào rồi thấy thọ lạc, lấy ra không thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Khi mới vào không thấy thọ lạc, vào rồi thấy thọ lạc, lấy ra thấy thọ lạc, phạm Ba-la-di. Trường hợp thứ sáu này⁶⁰⁰, có ngăn cách cho đến, không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên. Phi nhân nam, súc sinh đực, nhị hình nam, huỳnh môn, có ngăn cách cho đến, không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni bị giặc bắt đem đến chỗ nam tử đang ngủ, người chết thân chưa hư hoại hay hư hoại một ít, dùng nam căn của họ để vào ba chỗ. Khi mới để vào, (Tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi, thọ lạc. Cho đến, mới để vào không thọ lạc, vào rồi không thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cũng như trên. Có ngăn cách với không ngăn cách, cho đến không

599. Xem cht. 52, ibid.

600. Đề lục cú. Tổ hợp > giai đoạn hành dâm cùng với cảm thọ hay không cảm thọ lạc, thành 6 trường hợp phân biệt.

ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên. Cho đến luân môn cũng như trên, có ngăn cách với có ngăn cách, cho đến không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni nào bị giặc bắt, hành dâm nơi ba chỗ. Khi mới để vào, (Tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cho đến khi mới để vào không thọ lạc, vào rồi không thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cũng như trên. Có ngăn cách với có ngăn cách, cho đến không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni nào, phương tiện muốn hành bất tịnh, làm thì phạm Ba-la-di, không làm phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo phương tiện dạy Tỳ-kheo-ni phạm dâm, (Tỳ-kheo-ni) làm theo, (Tỳ-kheo dạy kia) phạm Thâu-lan-giá. (Tỳ-kheo-ni) không làm, (Tỳ-kheo) phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni⁶⁰¹ dạy Tỳ-kheo-ni phạm dâm, (Tỳ-kheo-ni) làm theo, (Tỳ-kheo-ni dạy kia) phạm Thâu-lan-giá. (Tỳ-kheo-ni) không làm, (Tỳ-kheo-ni dạy kia) phạm Đột-kiết-la. Dạy người khác, trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; người ấy làm hay không làm, (Tỳ-kheo-ni dạy) phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la diệt tận. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: ngủ không hay biết, không thọ lạc, tất cả không có dục tâm; thấy đều không phạm.

Người không phạm: người phạm lần đầu tiên khi chưa kết giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

2. BẤT DỮ THỦ*

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nhân duyên này⁶⁰² tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị vua hay đại thân của vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng “Người là giặc, người ngu si, người không biết gì;” Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung⁶⁰³.

3. ĐOẠN NHÂN MẠNG*

601. Các bản Tống Nguyên Minh không có từ ni.

602. Nguyên nhân bởi Tỳ-kheo Đản-ni-ca; xem Phần I, Ch.i Ba-la-di 2 & cht. 59

603. Thông giới cho cả hai bộ. Xem Phần I, Ch.i Ba-la-di 2.

Một thời, Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, vì nhân duyên này⁶⁰⁴ tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng người, cầm dao đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: “Này bạn, sống cuộc sống xấu ác này làm gì, thà chết còn hơn!” Với tâm tư duy như vậy, bằng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

4. ĐẠI VỌNG NGŨ*

Một thời, Đức Phật ở trên nhà lâu các, bên sông Di hâu, Tỳ-xá-ly, dùng nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:⁶⁰⁵

Tỳ-kheo-ni nào, thật không sở tri mà tự xưng: “Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.” Vào lúc khác, Tỳ-kheo-ni ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: “Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ.” Trừ tăng thượng mạn. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

B. BÁT CỘNG GIỚI

5. MA XÚC⁶⁰⁶

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có trưởng giả đại hào quý tên là Đại Thiện Lộc Lạc⁶⁰⁷, tướng mạo đoan chánh. Thâu-la-nan-đà⁶⁰⁸ Tỳ-kheo-ni nhan sắc cũng xinh đẹp. Ông trưởng giả Lộc Lạc để ý Thâu-la-nan-đà, Thâu-la-

604. Thông giới cho cả hai bộ, xem Phần I, Ch.i Ba-la-di >.

605. Thông giới, xem Phần I, Ch.i Ba-la-di 4.

606. Ngũ phần II (T22n1421, tr.78a>). Tăng kỳ >6 (T22n1425, tr.515a17). Thập tụng 42 (T2>n14>5, tr.>02c16). Căn bản ni 5 (T2>n144>, tr.929a29).

607. Đại Thiện Lộc Lạc 大善鹿樂. Ngũ phần: Thi-lị-bạt 尸利跋, cháu ngoại của bà Tỳ-xá-khư. Thập tụng: Lộc Tử cư sỹ nhi 鹿子居士兒, con trai ông Lộc Tử. Pali: Sāho Migāranatta, cháu của bà Migāra. Tứ phần đọc là Sādhū Migāraratta.

608. Thâu-la-nan-đà 羅難陀. Tăng kỳ: Lại-tra Tỳ-kheo-ni 賴比丘尼 dạy kinh cho một thiếu niên họ Thích. Thập tụng: Châu-na-nan-đà 周那難陀. Pali: Thullanandā. Cf. Vin. iv. 212, bốn chị em xuất gia: Nandā, Nandavatī, Sundarīnandā, Thullanandā. Trong đó, chuyện xảy ra giữa Thullanandā và Sālha.

nan-đà cũng để ý trưởng giả Lộc Lạc.

Sau đó một thời gian, ông trưởng giả vì Thâu-la-nan-đà nên thỉnh các Tỳ-kheo-ni và Thâu-la-nan-đà đến nhà dùng cơm. Đêm ấy chuẩn bị đầy đủ các thức ăn, sáng sớm, đi báo giờ. Thâu-la-nan-đà biết trưởng giả vì mình nên thỉnh Tăng, bèn ở lại chùa không đi.

Đến giờ, các Tỳ-kheo-ni khoác y, bưng bát, đến nhà ông trưởng giả. Đến nơi, ngồi vào chỗ ngồi. Khi ấy, ông trưởng giả nhìn khắp ni chúng, không thấy Thâu-la-nan-đà, liền hỏi:

- Thâu-la-nan-đà ở đâu không thấy đến?

Chư ni đáp:

- Cô ấy ở lại chùa, không đến.

Ông trưởng giả vội vàng sốt thức ăn xong, liền đến chùa, nơi Thâu-la-nan-đà ở. Thâu-la-nan-đà từ xa thấy ông trưởng giả đến, liền nằm trên giường.

Ông trưởng giả hỏi:

- A-di⁶⁰⁹ bệnh khổ thế nào?

Thâu-la-nan-đà trả lời:

- Không có bệnh khổ chi cả, chỉ có những điều tôi muốn mà ông không muốn thôi.

Ông trưởng giả nói:

- Tôi muốn chứ chẳng phải không muốn.

Bấy giờ, ông trưởng giả liền ôm choàng phía trước, đặt nằm xuống, rờ, mò, hôn hít. Xong trưởng giả ngồi lại, hỏi:

- A-di cần thứ gì?

Thâu-la-nan-đà nói:

- Tôi muốn được táo chua.

Ông trưởng giả nói:

- Muốn có thứ ấy, sáng mai tôi sẽ đem đến.

Bấy giờ, có cô Sa-di-ni nhỏ giữ phòng, thấy sự việc như vậy. Chư ni thọ thực về, cô kể lại đầy đủ.

Chúng Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: Sao cô lại làm việc như vậy với ông trưởng giả?

Các Tỳ-kheo-ni bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Đức Phật liền vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

- Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải

pháp

609. A-di 阿姨. Pali: ayye, từ xưng hô đối với người trên.

Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà, sao lại cùng với ông trưởng giả làm việc như vậy?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các

Tỳ-kheo-

kheo:

- Kể ngu si Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đàn này là nơi trồng nhiều

giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, cùng người nam có tâm nhiễm ô, thân xúc chạm nhau từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên,⁶¹⁰ hoặc nắm, hoặc vuốt ve, hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc vuốt lên, hoặc vuốt xuống, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc bóp; Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung. Vì thân xúc chạm nhau vậy.⁶¹¹

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tâm ô nhiễm:⁶¹² tâm nhiễm đấm nhau.

Người nam có tâm nhiễm ô, cũng như vậy.

Từ nách trở xuống: Phần thân bên dưới nách.

Từ đầu gối trở lên: Phần thân bên trên đầu gối. Thân: là từ ngón chân cho đến tóc trên đầu.

Thân xúc chạm nhau: hai thân nắm vuốt nhau, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc vuốt ngược, hoặc vuốt xuôi, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc hoặc bóp, hoặc nắm.⁶¹³

- Nắm vuốt:⁶¹⁴ dùng tay vuốt ve phía trước hay phía sau thân.

- Kéo: là kéo ra phía trước.

- Đẩy: là xô ra phía sau.

- Vuốt ngược: Từ dưới rờ lên.

- Vuốt xuôi: từ trên rờ xuống.

610. Ngũ phần, Thập tụng: từ chân tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên. Tăng kỳ: từ bờ vai (giải thích: từ vú) trở xuống, từ đầu gối trở lên (giải thích: đến rốn). Căn bản: từ con mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên. Pali: adhakkhakam ubbhajnumandalam, từ xương cổ (xương đòn gánh) trở xuống, đầu gối trở lên.

611. Pali: ubbhajñumandalikà ti, - vì xúc chạm từ đầu gối trở lên.

612. Ngũ phần: dục thịnh biến tâm 欲盛變心. Xem cht. 18, Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 2. Thập tụng: lậu tâm 漏心.

613. Hán: tróc ma 捉摩, khiên 牽, thôi 推, nghịch ma 逆摩, thuận ma 順摩, cử 舉, hạ 下,捉, nại 捺

614. Tróc ma 捉摩

- Nâng: là ẩ lên.
- Để xuống: ẩ để xuống, ngồi hay đứng.
- Nắm: nắm phía trước, phía sau, nơi bắp vế, nơi ngực.
- Nấn bóp:⁶¹⁵ nấn phía trước, phía sau, nơi bắp vế, nơi ngực.⁶¹⁶

Nam tử, tưởng là nam tử; nam tử dùng tay sờ thân cô ni, hai thân xúc chạm nhau, với dục tâm nhiễm đấm, thọ lạc bởi xúc chạm, (Tỳ- kheo-ni) phạm Ba-la-di. Nam tử, tưởng là nam tử, nam tử dùng tay xoa thân cô ni, động thân với dục tâm nhiễm đấm, thọ lạc bởi xúc chạm, phạm Ba-la-di. Cho đến nấn, bóp cũng như vậy.

Là nam tử mà nghi, phạm Thâu-lan-giá. Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm y của người kia, đồ trang sức bằng anh lạc, với dục tâm nhiễm đấm, thọ lạc bởi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm y phục, đồ trang sức anh lạc của người kia, với tâm dục nhiễm đấm, không thọ lạc; khi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ bằng anh lạc, y nơi thân, xúc chạm thân của cô ni. Ni với dục tâm nhiễm đấm, thọ lạc bởi sự xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc là nam khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ bằng anh lạc, y phục nơi thân, xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, nhưng không thọ lạc khi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm trang cụ bằng anh lạc, y phục nơi thân nam, với dục tâm nhiễm trước, động thân, không thọ lạc khi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm trang cụ bằng anh lạc, y phục nơi thân nam, với dục tâm nhiễm trước, không động thân, thọ lạc khi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ bằng anh lạc, y nơi thân, xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, động thân, không thọ lạc khi xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá.

Nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ bằng anh lạc, y phục nơi thân, xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam, thân xúc chạm nhau. Ni có dục tâm

615. Nại 捺, lấy ngón tay đè, ấn xuống

616. Cf. Pali adhakkhakam ubhajànumandalam àmasanam và paràmasanam và gahanamchupanam và patipīlanam và sàdiyeyyàti, ... thuận tình cho vuốt ngược, vuốt xuôi, ôm ghì, sờ mó hay ép sát, từ xương cổ trở xuống và từ đầu gối trở lên... Xem thêm, Phần I, Ch.ii Tăng-già-bà-thi-sa & ch. 20-25.

nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, động thân, phạm Thâu-lan-giá.

Nam, khởi tưởng nam, thân xúc chạm nhau. Ni có dục tâm nhiễm trước, thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, phạm Thâu-lan-giá.

Cũng vậy, từ vuốt ve cho đến sờ nắn, tất cả đều phạm

Thâu-lan-

g

ia. Nghi là nam, phạm Đột-kiết-la.

Nam khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân xúc chạm y

phục,

trang sức bằng anh lạc nơi thân người nam. Ni với dục tâm nhiễm trước, khi xúc chạm thọ lạc, Đột-kiết-la.

Nam khởi tưởng nam. Ni dùng y nơi thân xúc chạm y phục, trang sức bằng anh lạc người nam, với dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, Đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân xúc chạm y phục, trang cụ bằng anh lạc nơi thân người nam, với dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, động thân, Đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân xúc chạm y phục, trang cụ bằng anh lạc nơi thân người nam, với dục tâm nhiễm trước thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, Đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân xúc chạm y phục, trang cụ bằng anh lạc nơi thân người nam, với dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, Đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân xúc chạm y phục, trang cụ bằng anh lạc nơi thân người nam, với dục tâm nhiễm trước, thọ lạc khi xúc chạm, động thân, Đột-kiết-la.

Cũng vậy, cho đến nắm, đẩy, tất cả đều Đột-

kiết-la. Đó là nam mà nghi, Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cùng với nam tử, hai thân xúc chạm nhau; mỗi xúc chạm là phạm một Ba-la-di. Tùy theo sự xúc chạm nhiều hay ít, tất cả đều phạm Ba-la-di.

Nếu là nam của loài trời, nam của A-tu-la, cho đến giống đực của súc sinh có thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau, đều phạm Thâu-lan-giá.

Với súc sinh không thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau, Đột-kiết-la.

Nếu cùng với người nữ, hai thân xúc chạm nhau, Đột-kiết-la. Nếu cùng với hạng hai hình, hai thân xúc chạm nhau Thâu-lan-giá.

Nếu nam nữ tác lễ, mà nắm bàn chân; nếu ni có cảm giác thọ lạc khi xúc, không động thân, Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo-ni với dục tâm mà xúc chạm y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, giày dép, cho đến tự xúc chạm thân của chính mình, tất cả đều Đột-kiết-la.

Nam loài người tưởng là nam loài người, Ba-la-di. Nghi là nam loài người, Thâu-lan-giá. Nam loài người, tưởng nam loài phi nhân, Thâu-lan-giá. Nam loài phi nhân, khởi tưởng là nam loài người, Thâu-lan-giá. Nam loài phi nhân mà sinh nghi, Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa.⁶¹⁷ Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu khi đưa hay nhận vật gì, xúc chạm thân; hoặc khi giỡn chơi mà xúc chạm; hoặc khi để cứu giải mà có sự xúc chạm. Tất cả nếu không có tâm dục, đều không phạm.

Người không phạm: người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

6. BÁT SỰ

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ, có ông trưởng giả tên là Sa-lâu Lộc Lạc,⁶¹⁸ tướng mạo đẹp đẽ. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cũng có nhan sắc xinh đẹp. Trưởng giả Lộc Lạc để tâm nơi Thâu-la-nan-đà, Thâu-la-nan-đà cũng để tâm nơi Lộc Lạc.

Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, với dục tâm, bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò.

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: Sao cô với dục tâm bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò?

Các Tỳ-kheo-ni bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà:

- Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp

617. Xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 2, - Ma xúc giới.

618. Sa-lâu Lộc Lạc 沙樓鹿樂. Cùng nhân vật như trên, Đại Thiện Lộc Lạc, nhưng âm nghĩa có khác. Pali: Sādhā Migāranatta; Hán đọc là Sādhu Migāraratta.

Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, sao cô với dục tâm bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Thâu-la nan-đà rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, biết người nam có tâm nhiễm ô, bằng lòng để cho nắm tay nắm áo, vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói,⁶¹⁹ cùng đi, thân dựa kê nhau, hẹn nhau. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung. Vì phạm tám sự vậy⁶²⁰.

B. GIỚI TƯỞNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tâm nhiễm ô: tâm có nhiễm trước.

Người nam có tâm nhiễm ô, cũng có nhiễm trước. Nắm tay: nắm bàn tay cho đến cổ tay.⁶²¹

Nắm áo: nắm lấy áo trên thân.

Vào chỗ vắng: xa chỗ không người thấy không nghe.

Cùng đứng chỗ vắng: đứng chỗ không người thấy, không nghe. Cùng nói: cũng ở chỗ không người thấy không nghe.

Cùng đi: cũng ở chỗ không người thấy nghe. Thân dựa nhau: thân này nương vào thân kia. Hẹn nhau: hẹn đến chỗ có thể hành dâm.⁶²²

Tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô bằng lòng cho nam tử có tâm nhiễm

619. Tăng kỳ: cùng đứng nói chuyện trong tầm tay với.

620. Pali: atthavattukà, - vì phạm tám sự. Tăng kỳ, không có câu này. Thập tụng: Biểu lộ tư tưởng tham trước bằng tám việc này. Căn bản ni: Cùng nhau lãnh thọ tám việc như vậy

621. Ngũ phần: nắm tay, nắm từ cùi chỏ về trước

622. Tám sự, theo Ngũ phần (T22n1428, tr.716a28): nắm tay, nắm áo, cùng đi, cùng đứng, cùng nói, cùng ngồi một chỗ, thân thể cọ sát nhau. Thập tụng (T2>n14>5, tr.>0>c20): cho nắm tay; cho nắm áo; cùng đứng; cùng nói; cùng hẹn; vào chỗ khuất; chờ đàn ông đến; trao thân như nữ bạch y. Căn bản ni (T2>n144>, tr.9>0cl>): 1. trạo cử; 2. đùa giỡn; >. cười cợt; 4. chỉ định chỗ; 5. hẹn giờ; 6. ước tín hiệu; 7. đi đến chỗ đàn ông; 8. cùng ở chỗ có thể hành sự. Pali: hatthagghanam, cho nắm tay, sanghti-kannaggahanam, cho nắm vạt áo Tăng-già-lê, santittheyya (...purissa hatthapàse), đứng (trong tầm tay với của đàn ông), sallapeyya (...purissa hatthapa2se), nói chuyện (trong tầm tay với...), sanketam và gaccheyya, đi đến chỗ hẹn, purissa và abbhàgamanam, cho đàn ông đến gần, channam và anupaviseyya, đi theo vào chỗ khuất, kàyam và tadatthàya upasamhareyya, trao thân cho mục đích ấy.

ô nắm tay, phạm Thâu-lan-giá. Nắm áo, Thâu-lan-giá. Vào chỗ vắng cùng đứng, chỗ vắng cùng nói, chỗ vắng cùng đi, lấy đó làm sự vui thích, để thân nương dựa nhau. Mỗi mỗi đều phạm Thâu-lan-giá.

Phạm trong bảy sự này, nếu không phát lồ sám hối, tội chưa trừ, mà phạm đến việc thứ tám thì phạm Ba-la-di^{62>}.

Với con của trời, con của rồng, con của A-tu-la, con của Dạ-xoa, ngựa quý, súc sinh có thể biến hình, phạm bảy sự, mỗi mỗi đều Đột-kiết-la; phạm đến sự thứ tám thì Thâu-lan-giá. Với súc sinh không thể biến hình, phạm đến việc thứ tám, Đột-kiết-la.

Cùng người nữ có tâm nhiễm ô, phạm việc thứ tám, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo, tùy theo chỗ giới⁶²⁴. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni,

Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu khi có cái cần trao hay nhận, khi ấy tay chạm nhau; hoặc vui giỡn. Hoặc để giải cứu nên phải nắm áo. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp vào chỗ vắng cùng chung một chỗ. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp vào chỗ vắng cùng đứng. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp, vào chỗ vắng cùng nói. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp, vào chỗ vắng cùng đi⁶²⁵. Hoặc bị người đánh; hoặc có giặc đến; hoặc có voi đến, ác thú đến; hay gặp phải gai nhọn, nên xoay mình để tránh; hoặc đến cầu giáo thọ, hoặc nghe pháp, hoặc thọ thỉnh, hoặc đến trong chùa; hoặc cùng hẹn nơi không thể làm việc ác. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

7. PHÚ TÀNG TRỌNG TỘI⁶²⁶

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có em gái của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà,⁶²⁷ tên là Đễ-xá-nan-đà⁶²⁸ cũng xuất gia, mà phạm pháp Ba-la-di. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, biết mà nghĩ: Đễ-xá-nan-đà là em của ta, nay phạm pháp ba

62>. Ngũ phần (T22n1421, tr.78b20): mỗi việc riêng biệt, phạm Thâu-lan-giá. Phạm bảy việc, dù đã sám hối tùy mỗi việc; khi phạm đến việc thứ tám, đủ cả tám việc, Ba-la-di.

624. Tùy trường hợp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề.

625. Giống nhau các câu trên; chỉ khác: cùng chung chỗ, cùng đứng, cùng nói, cùng đi.

626. Ngũ phần (T22n1421, tr.79a1), Ba-la-di thứ tám.

627. Xem cht. 12 trên.

628. Đễ-xá-nan-đà 舍難陀. Pali: Sundarīnandā; xem cht. 12 trên. Thập tụng: hai chị em, Tỳ-kheo-ni Di-đà-la 彌多羅 phạm giới dâm; em gái là Tỳ-kheo-ni Di-đế-lê 彌帝隸, thanh tịnh, biết nhưng dấu tội cho chị.

la di, chính ta muốn nói với người, nhưng sợ em ta mang tiếng xấu. Nếu em ta mang tiếng xấu thì đối với ta đâu tốt lành gì. Bèn im lặng không nói. Sau đó một thời gian, Tỳ-kheo-ni Đề-xá-nan-đà bỏ đạo. Các Tỳ-kheo-ni biết, hỏi Thâu-la-nan-đà:

- Cô có biết em của cô thôi tu hay không?

Thâu-la-nan-đà nói:

- Em của tôi làm như vậy là đúng chứ không phải không đúng.

Các Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Làm như vậy là đúng, nghĩa là sao?

Thâu-la-nan-đà cho biết:

- Trước đây tôi biết em tôi làm việc như vậy, như vậy.

Các Tỳ-kheo-ni nói:

- Nếu trước đây cô có biết, tại sao cô không nói với các Tỳ-kheo-

n
i? Thâu-la-nan-đà nói:

- Đề-xá là em của tôi, phạm pháp Ba-la-di, chính tôi muốn nói với người khác. Nhưng sợ em tôi mang tiếng xấu. Nếu em tôi mang tiếng xấu thì xấu lây tới tôi. Do đó tôi không nói với ai.

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách Thâu-la-nan-đà: Sao cô che dấu trọng tội của Đề-xá?

Các Tỳ-kheo-ni bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

- Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà sao cô che dấu trọng tội của Tỳ-kheo-ni Đề-xá?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người khác phạm Ba-la-di, không tự mình cử tội, không bạch với Tăng, không nói cho người biết. Thời gian khác, Tỳ-kheo-ni kia, hoặc thôi tu, hoặc bị diệt tận, hoặc chúng Tăng ngăn⁶²⁹,

629. Tăng giá 僧遮; giới vẫn lần sau không có.

hoặc theo ngoại đạo. Sau đó lại nói: Tôi trước đây đã biết cô ấy có tội như vậy, như vậy. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung. Vì che dấu trọng tội.

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni chế giới như vậy. Có người phạm Ba-la-di ở trong thành, ra ngoài thôn xóm để sống; có người phạm Ba-la-di nơi thôn xóm vào trong thành để ở. Các Tỳ-kheo-ni không biết họ có phạm Ba-la-di hay không, sau mới biết là họ có phạm Ba-la-di. Do đó nói mình đã phạm Ba-la-di, hoặc nghi. Đức Phật dạy:

- Không biết thì không phạm.

Từ nay về sau, nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, không tự mình phát lộ,^{6>0} không nói cho mọi người, không bạch với đại chúng. Thời gian khác, Tỳ-kheo-ni kia, hoặc qua đời,^{6>1} hoặc bị chúng cử tội, hoặc thôi tu, hoặc theo ngoại đạo,^{6>2} sau đó mới nói: Tôi trước đây đã biết cô ấy có tội như vậy, như vậy. Tỳ-kheo-ni này là kẻ Ba-la-di, không được sống chung. Vì che dấu trọng tội.

B. GIỚI TƯỞNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Biết: là nói tôi biết phạm tội như vậy, như vậy. Tăng: cùng một yết-ma, cùng một thuyết giới. Đại chúng: hoặc bốn người, hay hơn bốn người^{6>>}. Thôi tu: ra khỏi pháp này.

Diệt tận: Tăng trao cho pháp bạch tứ yết-ma đui đi.

Ngã^{6>4}: Khi trong chúng quyết đoán tội trạng, ngăn chặn không cho nhập chúng.

Ngoại đạo: thọ giáo của ngoại đạo.

Trọng tội: Tám Ba-la-di. Trong tám pháp này phạm bất cứ pháp nào. Tỳ-kheo-ni kia biết Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di trước bữa ăn, sau bữa ăn mới nói, phạm Thâu-lan-giá; sau bữa ăn biết, đầu đêm nói, phạm Thâu-lan-giá; đầu đêm biết giữa đêm nói, phạm Thâu-lan-giá;

6>0. Bất tự phát lộ 不自發露, trên kia: bất tự cử 不自舉. Pali: nevatannā paicodeyya, chính mình đã không buộc tội.

6>1. Giới vẫn trên kia không có. Pali: sã ithā vā assa cutā vā, cô ấy vẫn tồn tại, hay đã chết; giải thích: hitā (trụ, hay tồn tại), nghĩa là vẫn nguyên giới tính (sallige hitā vuccati). Cf. Ngũ phần: nhược tại 若在. Thập tụng: nhược trụ 若住, giải thích: trụ trong pháp bạch y (hoàn tục).

6>2. Có sự bất nhất trong bản dịch Hán, hai đoạn văn trong hai lần kết giới không đồng nhất. Ngũ phần, thêm các yếu tố: nhược tại 若在, vẫn còn đó; nhược viễn hành 若遠行, đi xa; và nhược hình biến 若形變, thay đổi giới tính (khi đó mất giới Tỳ-kheo-ni).

6>>. Đại chúng, nhóm người, đông nhưng không thành Tăng. Pali: gana.

6>4. Từ ngữ được giải thích không có trong giới vẫn lần hai; có trong lần đầu.

giữa đêm biết, sau đêm nói, phạm Thâu-lan-giá; sau đêm biết không nói, đến tướng sáng xuất hiện phạm Ba-la-di.

Trừ tám pháp Ba-la-di, che dấu các tội khác không nói, tùy theo tội phạm mà xử lý. Tự che dấu trọng tội phạm Thâu-lan-giá.

Che dấu tội người khác trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu không biết, hoặc nói với người, hoặc không có người để nói, ý muốn nói mà chưa nói, tướng sáng xuất hiện; hoặc nói sẽ bị mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không nói, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa kiết giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

8. TÙY THUẬN BỊ XỬ^{6>5}

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cù-sư-la, tại Câu-thiểm-di. Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà Tỳ-kheo bị Tăng cử tội,^{6>6} đúng pháp đúng luật đúng lời Phật dạy mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni tên là Úy-thứ,^{6>7} tới lui phục vụ Tỳ-kheo Xiển-đà. Các Tỳ-kheo-ni nói:

- Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùy, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, cô đừng nên thuận tùng.

Úy-thứ trả lời:

- Thừa các đại tử, Xiển-đà là anh của tôi. Nay không cúng dường thì đợi đến khi nào. Rồi vẫn như cũ, Úy-thứ không chịu chấm dứt tùy thuận.

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Tỳ-kheo-ni Úy-thứ: Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà

6>5. Ngũ phần, ba la di thứ 7.

6>6. Cf. Phần I, Ch.ii Tăng-già-bà-thi-sa l>.- Ngũ phần: Xiển-đà bị Tăng tác yết-ma bất kiến tội (ngoan cố không chịu nhận tội, bị Tăng xử trí). Tăng kỳ: bất kiến tội cử yết-ma 不見罪舉羯磨. Thập tụng: Ca-lưu-la Đề-xá 迦留羅提舍 bị Tăng tác yết-ma bất kiến tấn 不見擯. Pali: Tỳ-kheo Ariha bị Tăng xử trí (samaggena saghena ukkhitta). Cf. Phần I, Ch.v Ba-dật-đề 68; Pali, Pác. lxix.

6>7. Úy-thứ 尉次. Ngũ phần: Xiển-đà có em gái là Tỳ-kheo-ni Ưu-ta 優蹉. Tăng kỳ: Xiển-đà có mẹ 闍陀母 là Tỳ-kheo-ni bệnh vực chống lại Tăng. Thập tụng: Tỳ-kheo Ca-lưu-la Đề-xá 迦留羅提舍 bị Tăng tác yết-ma bất kiến tấn 不見擯 (bị xử trí, vì không nhận tội); có 7 cô em gái đều là Tỳ-kheo-ni tùy thuận chống lại Tăng.

không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, tại sao nay cô vẫn cố ý thuận tùng như vậy?

Các Tỳ-kheo-ni thưa với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đến bạch Phật.

Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, quở trách Tỳ-kheo-ni Úy-thứ:

- Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, tại sao cô thuận tùng?

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho Tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp bạch tứ yết-ma quở trách, nên quở trách như vậy:

Trong ni chúng, nên sai một vị có khả năng, hoặc thượng tọa, hoặc thứ tọa, hoặc người tụng luật hay không tụng luật được, mà có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như vậy:

- Đại tỳ Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Úy-thứ này đã biết Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp như luật, như lời Phật dạy mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; nhưng cô thuận tùng Tỳ-kheo Xiển-đà. Các Tỳ-kheo-ni nên nói: “Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; cô không được thuận tùng. Nhưng cô lại cố ý thuận tùng.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp quở trách, để bỏ việc này. Nói: “Đại tỳ, Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; cô chớ tùy thuận.” Đây là lời tác bạch.

- Đại tỳ Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Úy-thứ đã biết Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, mà cô vẫn thuận tùng Tỳ-kheo Xiển-đà. Các Tỳ-kheo-ni nên nói: “Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng; nhưng cô vẫn cố ý tùy thuận. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp quở trách để bỏ việc này. Tỳ-kheo Xiển-đà bị tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, cô chớ tùy thuận.” Các đại tỳ, ai

chấp thuận Tăng trao cho Tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp quả trách cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận trao cho Tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp quả trách để bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Nên tác pháp quả trách Tỳ-kheo-ni Úy-thứ như vậy. Tăng đã trao cho pháp bạch tứ yết-ma rồi, nên bạch các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có Tỳ-kheo-ni nào thuận tùng Tỳ-kheo bị Tăng cử tội như vậy thì Tăng cũng trao cho pháp bạch tứ yết-ma quả trách như vậy. Từ nay về sau, Ta vì Tỳ-kheo-ni kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ. Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đã biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, nhưng không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa tác pháp ở chung; mà thuận theo, thì các Tỳ-kheo-ni nên nói: “Đại tỷ, Tỳ-kheo này đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa cho tác pháp ở chung, cô không nên thuận theo.

Khi Tỳ-kheo-ni can gián Tỳ-kheo-ni kia như vậy mà cô ấy kiên trì không bỏ việc này. Tỳ-kheo-ni nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba cho bỏ việc này. Cho đến ba phen can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia phạm Ba-la-di, không được sống chung. Vì tùy thuận bị cử.^{6>8}

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên. Tăng: như trên.

Cử tội: bị Tăng cử tội, bạch tứ yết-ma. Pháp: như pháp như luật như lời Phật dạy.

Không thuận theo: không thuận theo pháp trị tội.

Không sám hối: chưa chịu sám hối tội phạm cho thanh tịnh.

Tăng chưa cho tác pháp ở chung:^{6>9} Tăng chưa tác pháp yết-ma giải tội.

Tùy thuận: có hai thứ; một là pháp, hai là y thực.

- Pháp tùy thuận: dạy tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, dạy học vấn, tụng kinh.

- Y thực: cung cấp ăn uống, y phục, giường nằm, tọa cụ thuốc chữa

6>8. Pali: ukkhittānuvattikā, đi theo người bị Tăng xử trí

6>9. Ngũ phần: bất cộng trú, bất cộng sự, bất cộng ngữ 不共住不共事不共語

bệnh.

Tỳ-kheo-ni đã biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, nhưng không tùy thuận, không sám hối, Tăng chưa cho tác pháp ở chung mà thuận theo. Các Tỳ-kheo-ni nên nói: Tỳ-kheo này đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, nhưng không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa cho tác pháp ở chung; cô đừng thuận theo. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội, liền thành trọng tội.

Nếu nghe lời thì tốt; bằng không, nên tác bạch; tác bạch rồi nên nói: Cô nên biết, tôi đã bạch xong, còn tác pháp yết-ma. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội liền thành trọng tội.

Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nên tác pháp sơ yết-ma. Tác pháp sơ yết-ma rồi nên nói: Đây cô, tôi đã tác bạch và tác sơ yết-ma rồi, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội, liền thành trọng tội.

Nếu nghe lời thì tốt; bằng không, nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, cũng phải nói: Cô nên biết, tôi đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội, liền thành trọng tội.

Nếu nghe theo lời thì tốt. Bằng không, tác pháp yết-ma lần thứ ba xong, phạm Ba-la-di.

Bạch nhị yết-ma xong, mà bỏ thì phạm ba Thâu-lan-giá. Bạch nhất yết-ma xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ phạm một Thâu-lan-giá. Nếu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm Đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tất cả đều phạm Đột-kiết-la⁶⁴⁰.

Nếu khi Tăng tác pháp quả trách Tỳ-kheo-ni mà có Tỳ-kheo nói: Cô đừng bỏ! Nếu Tăng đã tác pháp quả trách, Tỳ-kheo ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tăng chưa tác pháp quả trách thì phạm Đột-kiết-la.

Nếu, Tỳ-kheo-ni bảo: Đừng bỏ! Trường hợp Tăng đã tác pháp quả trách, Tỳ-kheo-ni ấy phạm Thâu-lan-giá. Tăng chưa tác pháp quả trách, cũng phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác bảo: Đừng bỏ! Tăng đã quả trách hay chưa quả trách đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, tùy cử thì phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

640. Thập tụng: đối với Tỳ-kheo bị Tăng xử trí, Tăng Tỳ-kheo-ni tác yết-ma không cung kính: Tỳ-kheo sẽ không lễ bái, không cúng dường, không nói chuyện với Tỳ-kheo ấy.

Sự không phạm: khi bắt đầu can gián liền bỏ; phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, khác với pháp, khác với tỳ-ni, khác với lời Phật dạy; tất cả trước khi chưa tác pháp quả trách. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

